

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Bùi Minh Diệu**;

2. Ông **Triệu Ngọc Vạn**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hùng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương;

2. Bị đơn: Anh **Lưu Văn C**, sinh năm 1984;

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Tổ A, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, Nguyên đơn chị **Vũ Thị H** trình bày: Chị và anh **Lưu Văn C** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N (nay là xã Ú), huyện N tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/9/2010. Sau ngày cưới vợ chồng sống cùng gia đình anh C tại thôn Đ, xã N (nay là xã Ú), huyện N. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay không đoàn tụ lần nào, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, chị đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn anh C tại Tòa án. Gần nhất, chị nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh C tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, sau đó chị lại rút đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đình chỉ giải quyết vụ án. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc, anh C cũng đồng ý ly hôn và cùng thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Gia B, sinh ngày 02/6/2011 và Lưu Thị Bích N, sinh ngày 08/10/2012. Hiện nay cả hai con chung đang do anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Do cả hai con chung đều có nguyện vọng muốn ở cùng anh C. Ly hôn, chị có nguyện vọng để anh C tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con, chị sẽ tự có trách nhiệm với con chung theo điều kiện và khả năng của chị.

Về quan hệ tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn lựa chọn Tòa án giải quyết, đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, Bị đơn anh Lưu Văn C trình bày: Về điều kiện kết hôn, chung sống, ly thân như chị H trình bày. Anh cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương từ năm 2019 đến nay. Anh thì vào sinh sống, làm việc tại tổ A, phu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm chị H bỏ về nhà mẹ đẻ đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Gia B, sinh ngày 02/6/2011 và Lưu Thị Bích N, sinh ngày 08/10/2012, hiện cả 02 con chung đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên). Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Tại Biên bản xác minh với chính quyền địa phương xã Ú cung cấp: Chị Vũ Thị H và anh Lưu Văn C kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 17/9/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng nhà bố mẹ anh C tại thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc sinh được hai con chung, một thời gian sau do tính chất công việc anh C thường đi làm ăn xa nên chị H đưa các con về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ít có thời gian gần nhau. Sau đó, chị H đi nước ngoài làm ăn thì anh C do làm ăn thua lỗ nên đưa các con và bố mẹ anh C

vào trong miền N làm ăn, sinh sống. Vợ chồng anh, chị đã sống ly thân nhiều năm, mỗi người ở một nơi, anh C cùng hai con sống trong miền N còn chị H sống ở nhà bố, mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Ú, huyện N. Chị H đã nhiều lần có đơn khởi kiện xin ly hôn anh C. Nay chị H tiếp tục có đơn khởi kiện xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết. Chị H, anh C có 02 con chung, các con chung đều trên 7 tuổi. Nay ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa: Chị Vũ Thị H, anh Lưu Văn C vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C. Đề nghị Tòa án giao hai con chung là Lưu Gia B, sinh ngày 02/6/2011 và Lưu Thị Bích N, sinh ngày 08/10/2012 cho anh Lưu Văn C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi (thành niên). chị sẽ tự có trách nhiệm với con chung theo điều kiện và khả năng của chị. Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh C nhất trí ly hôn. Đề nghị Tòa án tiếp tục giao hai con chung là Lưu Gia B, sinh ngày 02/6/2011 và Lưu Thị Bích N, sinh ngày 08/10/2012 cho anh tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi (thành niên). Anh tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Lưu Văn C; Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung là Lưu Gia B, sinh ngày 02/6/2011 và Lưu Thị Bích N, sinh ngày 08/10/2012 cho anh Lưu Văn C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi (thành niên). Chấp nhận sự tự nguyện của anh C về việc không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con; Về án phí: chị H tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải

được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các Điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị H và anh Lưu Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N (nay là xã Ú), huyện N nơi sinh sống của anh, chị tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp.

Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị H bỏ về thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương. Anh C và hai con vào sinh sống và làm việc tại tổ A, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng ly thân, không gặp gỡ, quan tâm gì đến nhau. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn, anh C cũng xác định tình cảm không còn nên nhất trí ly hôn. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. HĐXX căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Lưu Văn C.

- *Về quan hệ con chung:* Chị H và anh C có 02 con chung là Lưu Gia B, sinh ngày 02/6/2011 và Lưu Thị Bích N, sinh ngày 08/10/2012. Do cả 02 con chung hiện đang sinh sống, học tập ổn định cùng anh C tại tỉnh Đồng Nai nên chị H đề nghị giao cả 02 con chung là cháu B và cháu N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Căn cứ vào quy định của pháp luật, biên bản xác minh ngày 26/7/2024 và nguyện vọng của các con chung muốn được tiếp tục ở cùng với anh C. Căn cứ vào điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung là Lưu Gia B và Lưu Thị Bích N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C về việc không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức:* Do các đương sự đều không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí:* Chị Vũ Thị H tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Lưu Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cho anh Lưu Văn C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là Lưu Gia B, sinh ngày 02/6/2011 và Lưu Thị Bích N, sinh ngày 08/10/2012 cho đến khi các con đủ 18 tuổi (thành niên). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lưu Văn C về việc không yêu cầu chị Vũ Thị H phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Chị Vũ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H tự nguyện chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) được đối trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí kí hiệu BLTU/23 số 0003604 ngày 11 tháng 6 năm 2024. Hoàn trả chị Vũ Thị H số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Ú, huyện N;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long